

NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG KHUNG THỐNG KÊ VĂN HÓA UNESCO TẠI VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thị Khánh Huyền, Hoàng Phương Hoa***

Văn hóa có vai trò quan trọng trong sự phát triển của đất nước. Văn hóa là sức mạnh nội sinh, là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu và cũng là động lực để thúc đẩy sự phát triển. Trong bối cảnh hiện nay, trước sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp văn hóa, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển nói chung, đối với phát triển kinh tế nói riêng ngày càng được nhìn nhận một cách toàn diện và thấu đáo hơn. Phát triển văn hóa gắn liền với phát triển kinh tế xã hội trong nhiều thập kỷ qua luôn là một định hướng căn bản, một ưu tiên chính sách của Đảng và Nhà nước.

Để đánh giá tình hình văn hóa, cũng như giám sát hiệu quả chính sách văn hóa, thống kê văn hóa là một công cụ hữu hiệu. Bằng các minh chứng số liệu, thống kê văn hóa giúp các nhà hoạch định chính sách có các nhìn tổng quan và chi tiết về hiện trạng văn hóa Việt Nam, về sự biến chuyển của văn hóa và cấu thành văn hóa theo thời gian. Tuy nhiên, văn hóa là một phạm trù mang nhiều định tính, khó đo lường không chỉ ở Việt Nam

mà cả các quốc gia trên thế giới. Ở Việt Nam, cho đến nay, các chỉ tiêu về văn hóa mới chỉ dừng lại ở số lượng của từng lĩnh vực văn hóa, như số bảo tàng, số thư viện, số di sản văn hóa... Thống kê văn hóa chưa phản ánh được sự phát triển mạnh mẽ của các ngành công nghiệp văn hóa, đặc biệt chưa phản ánh được mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế và xã hội. Do vậy, việc nghiên cứu, ứng dụng những phương pháp luận quốc tế và học hỏi kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực thống kê văn hóa, nhất là các nước có nền thống kê tiên tiến là rất cần thiết.

Với mong muốn góp phần vào đánh giá sự phát triển của thống kê văn hóa Việt Nam, trong phạm vi đề tài, nhóm nghiên cứu sẽ phân tích thực trạng thống kê văn hóa Việt Nam, tìm hiểu Khung Thống kê văn hóa UNESCO 2009 (FCS 2009) - một phương pháp luận về thống kê văn hóa được nhiều nước áp dụng thành công, trên cơ sở đó, đề xuất Khung thống kê văn hóa phù hợp với tình hình thực tiễn ở Việt Nam, giúp cung cấp khung khái niệm và phương pháp thu thập số liệu để thống kê văn hóa Việt Nam ngày càng toàn diện và chất lượng.

* Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường

** Viện Khoa học Thống kê

1. Khái niệm

a) Khái niệm về văn hóa

Văn hóa là một khái niệm có nội hàm phong phú và ngoại diên rất rộng. Đối với từng trường hợp, trong từng phạm vi, “văn hóa” lại mang những ý nghĩa khác nhau, nói cách khác, văn hóa là một từ có tính đa nghĩa.

Đến nay, có rất nhiều định nghĩa về văn hóa. Định nghĩa về văn hóa một cách bao trùm nhất có thể kể đến định nghĩa của chủ tịch Hồ Chí Minh. Năm 1943, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”. Trong định nghĩa này, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho chúng ta hiểu được:

- Văn hóa là toàn bộ sáng tạo và phát minh của con người, bao gồm ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, luật pháp, khoa học, tôn giáo, văn học - nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng.

- Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn.

Điều thú vị là định nghĩa văn hóa của Hồ Chí Minh năm 1943 có nhiều điểm tương đồng với quan niệm hiện đại của UNESCO về văn hóa. Năm 2001, UNESCO đã đưa ra định nghĩa về văn hóa như sau: văn hóa là tập hợp các đặc trưng tiêu biểu về tinh thần, vật chất, tri thức và xúc cảm của xã hội hoặc một nhóm người trong xã hội; văn hóa không chỉ bao gồm văn học và nghệ thuật, mà còn cả phong cách sống, phương thức chung sống, các hệ giá trị, truyền thống và niềm tin (UNESCO, 2001).

Có thể thấy, cả định nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1943 và của UNESCO 2001 đều nhận định (1) văn hóa là một phức thể, tổng thể nhiều mặt của tinh thần, vật chất, tri thức và xúc cảm; (2) văn hóa bao gồm phong cách sống, phương thức chung sống, các hệ giá trị, truyền thống và niềm tin.

b) Khái niệm về thống kê văn hóa

Với tầm quan trọng của văn hóa, thống kê văn hóa là công cụ cần thiết và hữu hiệu để phản ánh hiện trạng văn hóa, xu hướng văn hóa, mối quan hệ giữa văn hóa và kinh tế, xã hội. Thống kê văn hóa cung cấp những minh chứng số liệu, trên cơ sở đó, các hoạch định chính sách đề ra những chính sách về văn hóa, đánh giá hiệu quả chính sách và điều chỉnh để các chính sách đạt hiệu quả tối ưu. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, “văn hóa” là một thuật ngữ trừu tượng, đa nghĩa, có phạm vi rộng, nội hàm phong phú. Vậy, làm thế nào để làm tốt việc thống kê văn hóa?

Năm 1976, Edward Hall đã giới thiệu mô hình văn hóa tầng băng trôi. Theo mô hình này, Edward lý giải văn hóa như một tầng băng trôi, phần dễ dàng nhận biết là phần nổi trên mặt nước, như ẩm thực, trang phục, âm nhạc, ngôn ngữ,... chiếm một phần nhỏ của

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

tổng thể văn hóa. Phần còn lại bên dưới mặt nước gồm các giá trị văn hóa, tín ngưỡng, tập tục... để nhận biết được, người ta cần có thời gian để trải nghiệm, cảm nhận, thẩm thấu từ môi trường văn hóa đó.

Mặc dù không phải lúc nào cũng đo lường được niềm tin và giá trị một cách trực tiếp, chúng ta có thể đo lường được các biểu hiện và hành vi, là kết quả/ xuất phát từ tập hợp các đặc điểm tinh thần, vật chất, trí tuệ và cảm xúc đặc biệt của một xã hội hoặc quốc gia. Viện thống kê UNESCO và Bộ phận văn hóa UNESCO đã nghiên cứu, xây dựng Khung thống kê văn hóa nhằm hỗ trợ các quốc gia trong việc thu thập số liệu thống kê văn hóa một cách đầy đủ nhất, giúp phản ánh được tầng nổi và một phần tầng chìm của tầng băng trôi. Thống kê văn hóa của từng quốc gia khác nhau, phụ thuộc vào các ưu tiên chính sách, năng lực thống kê, nguồn nhân sự cũng như nguồn ngân sách của mỗi quốc gia. Do vậy, Khung thống kê văn hóa được thiết kế một cách linh hoạt và có tính ứng dụng ở cấp quốc gia.

2. Thực trạng thống kê văn hóa tại Việt Nam

Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa, thể thao, du lịch là tập hợp các chỉ tiêu thống kê phản ánh tình hình, kết quả hoạt động chủ yếu của ngành văn hóa, thể thao và du lịch nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước các cấp; phục vụ công tác đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách phát triển các lĩnh vực quản lý của ngành văn hóa, thể thao, du lịch; đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê ngành văn hóa, thể thao và du lịch của các tổ chức, cá nhân.

Cụ thể các chỉ tiêu thống kê lĩnh vực văn hóa bao gồm:

- Chỉ tiêu thống kê văn hóa trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia: Có 01 chỉ tiêu là "Số di sản văn hóa cấp quốc gia" (mã số 1701) thuộc Danh mục hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia do Bộ VHTTDL chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp và báo cáo.

- Chỉ tiêu thống kê văn hóa trong Bộ chỉ tiêu phát triển bền vững của Việt Nam: Có 01 chỉ tiêu là "Số lượng và tỷ lệ di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam được bảo tồn" (mã số 11.4.1) thuộc Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam do Bộ VHTTDL chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp và báo cáo.

- Chỉ tiêu thống kê văn hóa trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Theo Thông tư số 11/2021/TT-BVHTTDL ngày 06/10/2021 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa, thể thao và du lịch, lĩnh vực văn hóa có 25/66 chỉ tiêu, được chia thành 04 nhóm lĩnh vực: (1) Nhóm chỉ tiêu về di sản văn hóa; văn hóa dân tộc, có 05 chỉ tiêu; (2) Nhóm chỉ tiêu về nghệ thuật biểu diễn; văn hóa cơ sở, có 09 chỉ tiêu; (3) Nhóm chỉ tiêu về mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; bản quyền tác giả, có 05 chỉ tiêu; (4) Nhóm chỉ tiêu về thư viện; điện ảnh, có 06 chỉ tiêu.

Hiện nay, chịu trách nhiệm thống kê cơ sở dữ liệu về văn hóa của Việt Nam chủ yếu là 02 cơ quan: (1) Bộ VHTTDL với các lĩnh vực: Di sản văn hóa; Nghệ thuật biểu diễn; Điện ảnh; Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm; Thư viện; Văn hóa cơ sở; Quảng cáo và Bản quyền tác giả, tác phẩm văn học nghệ thuật và (2) Tổng cục Thống kê Việt Nam với một

số chỉ tiêu văn hóa cơ bản đã được đưa vào danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và phụ lục danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê (Luật số 01/2021/QH15) và được quy định chi tiết tại Nghị định 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ. Ở cả hai cơ quan chịu trách nhiệm chính nêu trên, số liệu thống kê về văn hóa của Việt Nam hiện đang được thu thập qua hai hình thức gồm: chế độ báo cáo thống kê và điều tra thống kê.

Kết quả 5 năm thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu ngành văn hóa Việt Nam đã chỉ ra những hạn chế và vướng mắc trong công tác xây dựng cơ sở dữ liệu ngành văn hóa nói chung, các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam nói riêng như sau:

- Các chỉ tiêu thống kê về văn hóa hiện đang thiên nhiều về số liệu của khu vực công. Thống kê đến từ khu vực tư nhân, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tổ chức quốc tế hoạt động trên địa bàn Việt Nam và các cá nhân nghệ sĩ, người thực hành văn hóa và nghệ thuật độc lập còn thiếu.

- Phương thức thu thập số liệu về các ngành văn hóa mang tính nội bộ ngành, thủ công và thời vụ phục vụ các đợt báo cáo định kỳ hoặc tổng kết cuối năm.

- Thiếu sự phối hợp đồng bộ, thường xuyên liên ngành giữa Bộ VHTTDL với các Bộ, Ngành khác như: Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (về đầu tư), Bộ Công Thương (xuất nhập khẩu, thương mại sản phẩm và dịch vụ văn hóa sáng tạo), Bộ Giáo dục và Đào tạo (giáo dục và đào tạo về văn hóa, nghệ thuật, sáng tạo), Bộ Thông tin và Truyền thông (sách, ấn phẩm, phương tiện nghe nhìn, phương tiện truyền thông tương

tác), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nghề thủ công)... nên việc xây dựng cơ sở dữ liệu về văn hóa chưa đáp ứng được các yêu cầu của quy định về tổng hợp thống kê quốc gia và thực tiễn phát triển của ngành Văn hóa (tính liên ngành, liên khu vực và liên kết các ngành kinh tế).

- Nguồn nhân lực về thống kê dữ liệu văn hóa còn thiếu và chưa được quan tâm đúng mức: ở cấp Trung ương, đơn vị chịu trách nhiệm thống kê là Phòng Thống kê thuộc Vụ Kế hoạch, Tài chính (Bộ VHTTDL); ở cấp địa phương: mỗi Sở VHTTDL/ Sở Văn hóa và Thể thao chỉ có 1 đến 2 cán bộ làm công tác thống kê, thậm chí không có cán bộ công tác thống kê chuyên trách.

- Phương thức thống kê về văn hóa của nước ta chưa thường xuyên cập nhật các khung thống kê mới về văn hóa theo các tiêu chuẩn thống kê quốc tế như: UNCTAD, Viện số liệu UNESCO, UN Comtrade, UNDP, World Bank...

- Chưa có các quy định, chế tài mang tính bắt buộc đối với việc cung cấp thông tin và số liệu, đặc biệt đối với khu vực ngoài nhà nước như các doanh nghiệp tư nhân, các tổ chức quốc tế đóng tại Việt Nam hoặc các nhóm, cộng đồng văn hóa hoạt động độc lập.

- Công tác phổ biến dữ liệu còn hạn chế về mức độ cập nhật, dễ tiếp cận đối với công chúng, doanh nghiệp và cá nhân có nhu cầu; chưa khai thác được hiệu quả của các nền tảng số trong quản lý và phổ biến dữ liệu ngành văn hóa.

- Việc xây dựng bộ chỉ tiêu thống kê đánh giá sự đóng góp của các ngành văn hóa đối với phát triển kinh tế chưa được luật hóa (theo Luật Thống kê) nên khi tổ chức điều tra

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

thống kê gặp nhiều khó khăn, chưa nhận được sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân liên quan.

Những hạn chế tồn tại trong công tác thống kê văn hóa nói chung trực tiếp ảnh hưởng tới giá trị lý luận và thực tiễn của công tác hoạch định chính sách ngành Văn hóa khi thiếu vắng các bằng chứng định lượng có tính thuyết phục về đóng góp của ngành Văn hóa đối với sự phát triển kinh tế và xã hội của đất nước, đặc biệt là những đóng góp của các hoạt động văn hóa và sáng tạo đối với việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc mà Việt Nam đã cam kết thực hiện.

Số liệu thống kê về văn hóa đã được thu thập, tổng hợp và báo cáo theo hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa, thể thao và du lịch. Tuy nhiên, thông tin về tình hình văn hóa và số liệu thống kê hiện tại chưa phản ánh được đóng góp của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế xã hội, cụ thể chưa đáp ứng được chuẩn mực quốc tế, đó là đo lường văn hóa trên cả phương diện kinh tế và phương diện xã hội theo Khung thống kê văn hóa FCS 2009. Vì vậy, hệ thống chỉ tiêu thống kê văn hóa hiện còn có một số tồn tại sau:

(1) Hệ thống chỉ tiêu thống kê văn hóa hiện tại mới chỉ tập trung vào số lượng (số di tích, số di sản, số thư viện,...) chưa quan tâm tới việc “đo lường” giá trị của các hoạt động và dịch vụ văn hóa. Do vậy, khó có thể đánh giá chỉ tiêu về chất như yêu cầu. Ví dụ: yêu cầu cung cấp thông tin về “Chi tiêu cho di sản văn hóa và thiên nhiên” phục vụ giám sát Mục tiêu SDG 11.4 (Chỉ tiêu SDG 11.4.1) của UNESCO.

(2) Hệ thống chỉ tiêu thống kê văn hóa hiện chưa đo lường được đầy đủ phương diện kinh tế và phương diện xã hội theo FCS 2009. Việc thiếu các chỉ tiêu phản ánh chiều kinh tế của văn hóa, sẽ không thể cung cấp số liệu để giám sát, đánh giá các mục tiêu của Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030, Chiến lược phát triển các ngành Công nghiệp Văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và đặc biệt là không thể đánh giá được mức độ đóng góp của văn hóa vào phát triển kinh tế.

(3) Hệ thống chỉ tiêu ngành văn hóa, thể thao và du lịch chưa bao gồm một số chỉ tiêu thuộc Bộ chỉ tiêu phát triển bền vững của Việt Nam (VSDG), ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư do Bộ VHTTDL chủ trì thực hiện.

(4) Việc thu thập các số liệu văn hóa từ các cuộc điều tra thống kê còn rải rác, chỉ mang tính chất lồng ghép vào các cuộc điều tra hộ gia đình, điều tra doanh nghiệp, tổng điều tra kinh tế...; chưa có một cuộc điều tra chuyên biệt cho lĩnh vực văn hóa. Do vậy số liệu trong lĩnh vực này còn sơ sài, đặc biệt về phương diện kinh tế của văn hóa thu thập từ các cuộc điều tra kinh tế chưa được định nghĩa rõ ràng và có bảng phân loại phù hợp nên số liệu nằm phân tán và thu thập chưa được đầy đủ.

3. Đề xuất ứng dụng khung thống kê văn hóa UNESCO 2009 để thu thập số liệu thống kê văn hóa tại Việt Nam

Lĩnh vực văn hóa của FCS 2009 dựa trên mô hình phân cấp trong đó bao gồm lĩnh vực văn hóa và các lĩnh vực liên quan. Lĩnh vực văn hóa bao gồm các hoạt động, hàng hóa và dịch vụ văn hóa liên quan đến toàn bộ các

bước trong mô hình chu kỳ văn hóa. Lĩnh vực liên quan được nhắc đến trong định nghĩa rộng hơn về văn hóa, nó bao gồm toàn bộ các hoạt động xã hội và giải trí. Một hoạt

động văn hóa chỉ được xếp vào một lĩnh vực cụ thể, ví dụ, âm nhạc chỉ được xếp vào một danh mục duy nhất.

Bảng 1. So sánh đối chiếu FCS 2009 với hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa (ban hành theo Thông tư số 11/2021/TT-BVHTTDL ngày 06/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và truyền thông.

FCS 2009	Thống kê văn hóa Việt Nam
<p>A. Di sản văn hóa và thiên nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo tàng (bảo tàng trưng bày ảo) - Địa điểm khảo cổ và lịch sử - Quang cảnh văn hóa - Di sản thiên nhiên 	<p>2.1. Nhóm chỉ tiêu về di sản văn hóa và thiên nhiên, văn hóa dân tộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo tàng - Di tích - Di sản phi vật thể - Văn hóa dân tộc thiểu số
<p>B. Biểu diễn và kỷ niệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật biểu diễn - Âm nhạc - Lễ hội, hội chợ 	<p>2.2. Nhóm chỉ tiêu về nghệ thuật biểu diễn; văn hóa cơ sở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật biểu diễn - Lễ hội - Văn hóa cơ sở
<p>C. Nghệ thuật thị giác và nghề thủ công</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỹ thuật - Nhiếp ảnh - Nghề thủ công 	<p>2.3. Nhóm chỉ tiêu về mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; Bản quyền tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỹ thuật - Nhiếp ảnh - Công trình tượng đài
<p>D. Sách, báo và ấn phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sách - Báo và tạp chí - Các ấn phẩm in khác - Thư viện (gồm thư viện ảo) - Hội chợ sách 	<p>2.4. Nhóm chỉ tiêu về thư viện; điện ảnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thư viện - Phim ❖ Lĩnh vực báo chí, truyền thông - Xuất bản, in và phát hành - Báo chí - Phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử - Thông tin cơ sở

<p>E. Phương tiện nghe nhìn & truyền thông tương tác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phim và video - Truyền hình và radio (kể cả truyền hình trực tiếp qua internet) - Nhạc trực tuyến - Trò chơi điện tử (kể cả trò chơi trực tuyến) 	<p>(Thông tư số 03/2022/TT-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông) quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông</p>
<p>F. Dịch vụ thiết kế và sáng tạo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế thời trang - Thiết kế đồ họa - Thiết kế nội thất - Thiết kế quang cảnh - Dịch vụ kiến trúc - Dịch vụ quảng cáo 	
<p>Các lĩnh vực chuyển tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Di sản văn hóa phi vật thể - Giáo dục và Đào tạo - Lưu trữ và bảo tồn - Thiết bị và vật liệu hỗ trợ 	

Lĩnh vực A. "Di sản văn hoá và thiên nhiên" của FCS 2009 khá tương đồng với Nhóm chỉ tiêu về di sản văn hóa và thiên nhiên, văn hóa dân tộc của Việt Nam. Tuy nhiên để tương đồng với FCS 2009 cần bổ sung một số nội dung sau:

- Trong thời buổi công nghệ hiện phát triển hiện nay, đã xuất hiện thêm hình thức bảo tàng mới, đó là bảo tàng trực tuyến (bảo tàng ảo). Đây là một xu hướng phát triển mới mang tính đột phá trong hoạt động của bảo tàng nhằm giúp thông tin về các hiện vật có thể truyền tải đến đông đảo dân chúng ở mọi lúc, mọi nơi. Vì vậy cần bổ sung khái niệm về bảo tàng trực tuyến (bảo tàng ảo) nhằm hoàn thiện khi thống kê lĩnh vực bảo tàng;

- Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa Việt Nam đã ghép phần Di sản văn hóa

và thiên nhiên và Di sản văn hóa phi vật thể. Đồng thời, bổ sung thêm chỉ tiêu về văn hóa dân tộc thiểu số. Sở dĩ có sự kết hợp như vậy vì trong suốt chiều dài lịch sử, văn hóa dân tộc thiểu số luôn là di sản quý giá, góp phần làm nên sự đa dạng, phong phú của văn hóa Việt Nam. Khi hình thành Khung Thống kê văn hóa của Việt Nam cần chú trọng vào lĩnh vực về văn hóa dân tộc thiểu số, được coi như một phần phát triển, bổ sung thêm của Khung thống kê văn hóa UNESCO. Lĩnh vực này có thể được coi là một lĩnh vực đặc thù riêng biệt của nền văn hóa Việt Nam, việc xuất hiện trong hệ thống chỉ tiêu ngành văn hóa hiện tại và Khung thống kê văn hóa sau này nhằm khẳng định sự đa dạng văn hóa Việt Nam cũng như thống kê văn hóa một

cách toàn diện hơn khi áp dụng Khung thống kê văn hóa.

Lĩnh vực B. “Biểu diễn và kỷ niệm” trong FCS 2009 được thể hiện ở những chỉ tiêu thuộc nhóm 2.2 “Nghệ thuật biểu diễn và kỷ niệm; văn hóa cơ sở” ở Việt Nam

Các chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa của Việt Nam đã phản ánh được số lượng đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp; số lượng các hoạt động nghệ thuật, biểu diễn chuyên nghiệp, nghiệp dư và hoạt động lễ hội – là 2 mảng lớn thuộc lĩnh vực B trong Khung thống kê văn hóa UNESCO 2009. Trong đó, chỉ tiêu thống kê về hoạt động lễ hội là một chỉ tiêu quan trọng, bởi các hoạt động lễ hội diễn ra rất sôi nổi ở nước ta, đặc biệt là trong những tháng đầu năm.

Thống kê nghệ thuật biểu diễn đã phản ánh hoạt động nghệ thuật biểu diễn ở góc độ kinh tế (doanh thu) và ở góc độ xã hội (số lượt người xem). Về chu kỳ văn hóa, thống kê về nghệ thuật biểu diễn đã phản ánh được khâu quảng bá (Số đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp), khâu trưng bày, tiếp nhận, truyền tải (Số hoạt động) và tiêu thụ văn hóa (Số lượt người xem), mà chưa phản ánh được khâu sáng tạo (ví dụ số biên đạo múa) và khâu sản xuất (Số lượng các nghệ sĩ trong các đơn vị nghệ thuật). Bên cạnh đó, thống kê lễ hội mới chỉ dừng lại ở số lượng lễ hội trên cả nước và chia theo các tỉnh, mà chưa ước lượng được số người tham gia và đóng góp của các hoạt động lễ hội vào phát triển kinh tế.

Trong nhóm chỉ tiêu về nghệ thuật biểu diễn thuộc hệ thống chỉ tiêu ngành văn hóa của Việt Nam có chỉ tiêu phản ánh về hoạt động quảng cáo. Phạm vi thu thập của lĩnh

vực này là thống kê số doanh nghiệp đăng ký kinh doanh dịch vụ quảng cáo, số hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo và xử lý vi phạm về quảng cáo trong năm báo cáo. Đây cũng là điểm khác biệt so với FCS 2009, tuy nhiên chỉ dừng lại ở việc thống kê số doanh nghiệp có đăng ký dịch vụ quảng cáo; chưa phản ánh được quy mô, số lượng và giá trị của các hoạt động quảng cáo.

Về lĩnh vực âm nhạc, thống kê văn hóa Việt Nam chưa phản ánh được các hoạt động âm nhạc. Đây là một phần tương đối rộng của hoạt động biểu diễn nghệ thuật tuy nhiên lại chưa được đề cập đến trong hệ thống chỉ tiêu ngành văn hóa.

Ngoài ra, thống kê lĩnh vực này có có các chỉ tiêu khác phục vụ công tác quản lý của ngành văn hóa Việt Nam, đó là hoạt động cổ động trực quan, hoạt động xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, hoạt động tuyên truyền lưu động. Các hoạt động này góp phần quan trọng vào việc nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của các tầng lớp nhân dân trên cả nước.

Tuy nhiên để tương đồng với FCS 2009 và xu thế phát triển, cần có những chỉ tiêu phản ánh sự tham gia của người dân trong nước hoặc quốc tế trong lĩnh vực lễ hội. Ngoài ra âm nhạc là một phần vô cùng quan trọng đối với đời sống tinh thần của con người nhưng lại chưa được thống kê tại Việt Nam, do vậy cần có những chỉ tiêu đi kèm định nghĩa, khái niệm và phương pháp thu thập các thông tin về lĩnh vực này, kể cả về nhạc thu và nhạc trực tuyến.

Lĩnh vực C. “Nghệ thuật thị giác và nghề thủ công” của FCS 2009 bao gồm Mỹ thuật như hội họa, tác phẩm vẽ, điêu khắc; Thủ công và Nhiếp ảnh. Các địa điểm thương mại

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

trưng bày vật thể văn hoá như triển lãm mỹ thuật thương mại cũng được phân loại thuộc lĩnh vực này.

Đối với lĩnh vực này Việt Nam cần bổ sung thêm một số chỉ tiêu để phản ánh rõ hơn hiệu quả kinh tế của nghề thủ công vì lợi ích kinh tế mà nghề thu công mang lại cho Nhà nước và người dân không nhỏ.

Các chỉ tiêu trong lĩnh vực “Nghệ thuật thị giác và nghề thủ công” hiện đang nằm rải rác ở các hệ thống chỉ tiêu thống kê của các Bộ ngành khác nhau, chưa được xuất hiện thống nhất trong một Khung thống kê, do vậy việc thu thập thông tin chưa được quản lý bởi một cơ quan chủ trì, đồng thời chưa kiểm soát được chất lượng thông tin và việc tập hợp các thông tin này vẫn còn là một thách thức trong giai đoạn hiện tại. Do vậy, việc hình thành Khung thống kê văn hóa tại Việt Nam là vô cùng cần thiết để thiết lập các lĩnh vực một cách thống nhất, đảm bảo không bỏ sót và hướng tới việc thu thập đầy đủ trong tương lai.

Lĩnh vực D. “Sách, báo và ấn phẩm”

Theo FCS 2009, lĩnh vực sách, báo, ấn phẩm bao gồm sách, báo, ấn phẩm định kỳ, ấn phẩm điện tử, thư viện và hội chợ sách. Về cơ bản các chỉ tiêu thuộc ngành văn hóa và ngành truyền thông, thông tin đã có tương đối đủ so với FCS 2009. Tuy nhiên hệ thống chỉ tiêu thống kê của ngành văn hóa và ngành truyền thông, thông tin đều chưa đề cập tới hội chợ sách. Các chỉ tiêu thống kê về hội chợ sách cần được bổ sung để phản ánh đầy đủ hơn lĩnh vực này.

Lĩnh vực E. “Phương tiện nghe nhìn và truyền thông tương tác”

Theo FCS 2009, lĩnh vực này bao gồm phát sóng truyền thanh và truyền hình, kể cả truyền hình trực tuyến Internet, phim và video, nhạc trực tuyến và trò chơi điện tử kể cả trò chơi trực tuyến. Như vậy, có thể nói lĩnh vực này bao gồm hoạt động phát thanh, truyền hình và hoạt động truyền hình qua Internet.

Ở lĩnh vực này cũng có sự phân chia quản lý giữa các Bộ, ngành của Việt Nam. Bộ VHTTDL quản lý lĩnh vực điện ảnh, bao gồm phim và video. Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý về phát sóng truyền thanh và truyền hình, các phương tiện truyền thông tương tác.

Về phát sóng radio và truyền hình và trò chơi điện tử, Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng các chỉ tiêu phản ánh 3 nhóm hoạt động chính là phát thanh và truyền hình, trò chơi điện tử qua mạng. Có thể nói, các chỉ tiêu này phản ánh khá đầy đủ hoạt động phát thanh và truyền hình, từ khâu sản xuất, phân phối đến tiêu thụ. Nhóm chỉ tiêu thống kê những đóng góp về kinh tế, cũng như lượng thuê bao. Tuy nhiên, hoạt động Internet mới chỉ dừng lại ở trò chơi điện tử qua mạng, đã có chỉ tiêu về số giấy phép thiết lập mạng xã hội, tuy nhiên với 01 chỉ tiêu này về mạng xã hội thì chưa thống kê được toàn diện các hoạt động trên mạng xã hội. Hiện nay, các trang web mạng xã hội đang phát triển bùng nổ và được bộ phận lớn người dân sử dụng rộng rãi, nên rất cần thiết có những chỉ tiêu cụ thể để thống kê lĩnh vực này. Ngoài ra, các hoạt động về âm nhạc trực tuyến là một bộ phận của Khung thống kê văn hóa FCS 2009, tuy nhiên chưa được đề cập ở hệ thống chỉ tiêu nào; đây là một bộ phận tương đối phát triển bên cạnh âm nhạc truyền thống

cũng chưa được đưa vào trong các hệ thống chỉ tiêu.

Khác với thống kê văn hóa Việt Nam, Khung thống kê văn hóa FCS 2009 không xếp lĩnh vực điện ảnh thành một lĩnh vực riêng biệt, mà ghép vào một phần trong lĩnh vực phương tiện nghe nhìn và truyền thông tương tác.

Vì vậy bên cạnh việc thống nhất các lĩnh vực này trong một Khung thống kê duy nhất của Việt Nam, trong tương lai khi hình thành Khung thống kê này, tại lĩnh vực “Phương tiện nghe nhìn và truyền thông tương tác” cần bổ sung các hoạt động của mạng xã hội đang rất ảnh hưởng tại Việt Nam hiện nay, các hoạt động trong lĩnh vực điện ảnh và âm nhạc cụ thể là âm nhạc trực tuyến.

Lĩnh vực F. “Dịch vụ thiết kế và sáng tạo”

Đây là một lĩnh vực mới được bổ sung cập nhật ở Khung thống kê văn hóa FCS 2009, nó không tồn tại ở Khung thống kê văn hóa UNESCO 1986. Lĩnh vực Dịch vụ thiết kế và sáng tạo này bao gồm: thiết kế thời trang, thiết kế đồ họa, thiết kế nội thất, thiết kế quang cảnh, dịch vụ kiến trúc và dịch vụ quảng cáo. Lĩnh vực này bao gồm các hoạt động, hàng hoá và dịch vụ được tạo ra từ quá trình thiết kế mang tính sáng tạo, nghệ thuật và mỹ thuật các sản phẩm, công trình và danh lam thắng cảnh.

Ở Việt Nam, hệ thống chỉ tiêu thống kê về văn hóa chưa có chỉ tiêu nào phản ánh các hoạt động dịch vụ thiết kế và sáng tạo này. Đề xuất bổ sung các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực này, cụ thể như: “Số buổi trình diễn bộ sưu tập thiết kế thời trang”, “Doanh thu các hoạt động thiết kế”,...

Các lĩnh vực văn hóa chuyển tiếp

Di sản văn hóa phi vật thể: Theo lý thuyết của Khung thống kê văn hóa FCS 2009, Di sản văn hóa phi vật thể được coi là một lĩnh vực chuyển tiếp, do Di sản văn hóa phi vật thể có thể được thể hiện ở tất cả các lĩnh vực văn hóa nêu trên. Ví dụ, di sản văn hóa phi vật thể có thể được phản ánh ở trong nghề thủ công hoặc nghệ thuật biểu diễn. Và xét về chu kỳ văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể không được coi là một lĩnh vực riêng biệt bao gồm một các công đoạn theo một chu kỳ văn hóa.

Ở Việt Nam, di sản phi vật thể được coi là một bộ phận của di sản văn hóa. Di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể và các bảo vật quốc gia.

Thống kê di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam có 1 chỉ tiêu “2103. Di sản văn hóa phi vật thể”. Chỉ tiêu này phản ánh số lượng di sản phi vật thể theo các xếp hạng: Di sản văn hóa phi vật thể được kiểm kê, di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp. Đồng thời, báo cáo chỉ tiêu thống kê cũng bao gồm số nghệ nhân được nhận danh hiệu nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú.

Theo Khung thống kê văn hóa FCS 2009, các lĩnh vực Lưu trữ và Bảo tồn, Giáo dục và Đào tạo, Thiết bị và Vật liệu hỗ trợ là các lĩnh vực chuyển tiếp. Sở dĩ chúng được coi là lĩnh vực chuyển tiếp là vì các lĩnh vực này có thể được thể hiện, được phản ánh ở 06 lĩnh vực văn hóa khác nhau theo Khung thống kê văn hóa FCS 2009.

Việc thống kê các hoạt động thuộc lĩnh vực chuyển tiếp này chưa được lưu ý đối với thống kê văn hóa Việt Nam. Rất ít chỉ tiêu phản ánh về giáo dục đào tạo, lưu trữ bảo

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

tồn hay thiết bị vật liệu hỗ trợ được thu thập trong từng lĩnh vực văn hóa. Trong khi đó, để đánh giá được toàn diện các hoạt động văn hóa của quốc gia, thống kê các lĩnh vực chuyển tiếp này cũng đóng vai trò rất quan trọng.

Ngoài các lĩnh vực văn hóa của Khung thống kê văn hóa FCS 2009, hệ thống ngành thống kê văn hóa, thể thao và du lịch còn có nhóm chỉ tiêu về Quản lý chung. Nhóm chỉ tiêu này phản ánh công tác phục vụ quản lý chung như chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. Nhóm này cũng bao gồm một số chỉ tiêu trong lĩnh vực chuyển tiếp như thiết bị và vật liệu hỗ trợ hay giáo dục đào tạo (Số lượng học viên, học

sinh, sinh viên tuyển sinh và tốt nghiệp trong năm của các cơ sở đào tạo thuộc Bộ.

Như vậy, sau khi rà soát các lĩnh vực văn hóa trong hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa, thể thao và du lịch; hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành thông tin và truyền thông Việt Nam còn đang thiếu một số chỉ tiêu trong 07 lĩnh vực theo Khung thống kê văn hóa FCS 2009 như đã đề cập ở trên, đồng thời có lĩnh vực chưa có chỉ tiêu thống kê nào. Như vậy, ngoài việc rà soát, bổ sung các chỉ tiêu thống kê theo 07 lĩnh vực của Khung thống kê văn hóa FCS 2009, các chỉ tiêu trong các lĩnh vực cần đáp ứng được chu kỳ văn hóa, nhằm phản ánh đầy đủ các mặt của từng lĩnh vực cụ thể.

Bảng 1. Các chu kỳ văn hóa đề xuất tại Việt Nam

Chu kỳ	Lĩnh vực văn hóa						Lĩnh vực liên đới	
	A. Di sản văn hóa và thiên nhiên	B. Biểu diễn và kỷ niệm	C. Nghệ thuật thị giác và nghề thủ công	D. Sách và ấn phẩm	E. Phương tiện nghe nhìn và phương tiện truyền thông tương tác	F. Dịch vụ thiết kế và sáng tạo	G. Du lịch	H. Thể thao và Giải trí
Sáng tạo	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đầu tư tài chính (công và tư) 2. Doanh nghiệp 3. Lực lượng lao động 4. Sản phẩm/hoạt động 5. Cơ sở hạ tầng/thiết chế; tài nguyên 6. Phương thức và nơi sáng tạo, sản xuất, trưng bày, hưởng thụ (trong gia đình, trên Internet, tại các cơ sở/thiết chế chuyên biệt, tại các không gian công cộng...) 7. Doanh thu 8. Người tham gia/công chúng 							
Sản xuất								
Truyền bá/ Truyền tải								
Trưng bày/ Tiếp nhận								
Tiêu dùng/ Tham gia								

DỰ THẢO DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NGÀNH VĂN HÓA ĐỀ XUẤT BỔ SUNG

(Phần văn hóa)

Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu	Phân tổ chủ yếu	Kỳ công bố	Lộ trình thực hiện	Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp
I	Chỉ tiêu chung về văn hóa				
	Tỷ lệ đóng góp vào GDP của các ngành công nghiệp văn hóa (gồm cả số tuyệt đối)	Lĩnh vực văn hóa	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì; Tổng cục Thống kê phối hợp
	Tỷ lệ chi tiêu Chính phủ cho văn hóa	Lĩnh vực văn hóa	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Tổng xuất/nhập khẩu dịch vụ văn hóa		Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Thời gian dành cho các hoạt động văn hóa của người dân	Giới tính, dân tộc, nhóm tuổi, trình độ học vấn, nhóm thu nhập	2 năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì; Tổng cục Thống kê phối hợp
	Chỉ tiêu của hộ gia đình đối với các hoạt động văn hóa	Giới tính, dân tộc, nhóm tuổi, trình độ học vấn, nhóm thu nhập	2 năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì; Tổng cục Thống kê phối hợp
	Số việc làm liên quan đến văn hóa được tạo mới	Lĩnh vực văn hóa	2 năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì; Tổng cục Thống kê phối hợp
	Tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động bảo vệ, giữ gìn các di sản văn hóa	Loại di sản, di sản nhân loại/ di sản quốc gia đặc biệt/quốc gia...	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Số đạo diễn, nhà sản xuất, nhà kinh doanh, biên kịch, lý luận phê bình, quay phim, thiết kế mỹ thuật (sân khấu), kỹ thuật - công nghệ, diễn viên	Loại hình	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Số doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp văn hóa	Loại hình	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Số người bình quân tham gia các hoạt động nghệ thuật ít nhất một lần trong vòng 12 tháng qua	Giới tính, nhóm tuổi, dân tộc...	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì; Tổng cục Thống kê phối hợp

➤➤➤ **NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI**

Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu	Phân tổ chủ yếu	Kỳ công bố	Lộ trình thực hiện	Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp
II	Lĩnh vực văn hóa				
2.1	Nhóm chỉ tiêu phản ánh về Di sản văn hóa; Văn hóa dân tộc				
	Bảo tàng trực tuyến và số lượt truy cập bảo tàng trực tuyến		Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Số lượt khách tham quan các di tích	Loại di tích, nhóm tuổi...	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Tỷ lệ phần trăm ngân sách nhà nước chi cho bảo vệ, gìn giữ các di sản văn hóa và di sản thiên nhiên	Loại di sản	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2.2	Nhóm chỉ tiêu phản ánh về Nghệ thuật biểu diễn và kỹ niệm; Văn hóa cơ sở				
	Doanh thu ngành nghệ thuật biểu diễn	Loại hình nghệ thuật	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Số nghệ sĩ biểu diễn	Loại hình nghệ thuật, danh hiệu (nhân dân/ưu tú)	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Số đạo diễn, nhạc sĩ, họa sĩ thiết kế sân khấu, nhà sản xuất, biên kịch	Loại hình nghệ thuật, tỉnh/thành phố	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Số lượng buổi biểu diễn nghệ thuật	Loại hình nghệ thuật, tỉnh/thành phố	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Doanh thu từ hoạt động quảng cáo	Loại hình quảng cáo (trên truyền hình, đài phát thanh, báo, tạp chí, internet và quảng cáo ngoài trời)	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì; Tổng cục Thống kê phối hợp
	Số lượt người tham gia lễ hội	Loại hình, dân tộc	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Số lượng album được sản xuất	Định dạng	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Số sáng tác âm nhạc mới		Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Tổng số lượng bản thu âm bán ra	Định dạng	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu	Phân tổ chủ yếu	Kỳ công bố	Lộ trình thực hiện	Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp
	Số lượt tải nhạc lên/xuống trên các nền tảng xã hội	Loại hình nền tảng xã hội	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2.3	Nhóm chỉ tiêu phản ánh về Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; bản quyền tác giả				
	Doanh thu ngành mỹ thuật, nhiếp ảnh	Ngành, tỉnh/thành phố	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì; Tổng cục Thống kê phối hợp
	Số lượt người tham gia triển lãm mỹ thuật, triển lãm nhiếp ảnh	Loại hình, tỉnh/thành phố	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Doanh thu từ hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh	Loại hình hoạt động	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2.4	Nhóm chỉ tiêu về thư viện, điện ảnh				
	Thư viện ảo; số lượt truy cập	Tỉnh/thành phố	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Số đầu mục sách được xuất bản	Loại ấn phẩm	Năm		Bộ Thông tin và truyền thông
	Cửa hàng sách và số lượng bán	Tỉnh/thành phố	Năm		Bộ Thông tin và truyền thông
	Số lượng sách dịch	Quốc gia, loại ấn phẩm	Năm		Bộ Thông tin và truyền thông
	Số hội chợ sách	Tỉnh/thành phố	Năm		Bộ Thông tin và truyền thông
	Doanh thu ngành điện ảnh	Loại phim điện ảnh	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì; Tổng cục Thống kê phối hợp
	Tỷ lệ phim truyện Việt nam chiếu tại các rạp		Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2.6	Nhóm chỉ tiêu về thiết kế và sáng tạo				
	Số buổi trình diễn bộ sưu tập thiết kế thời trang	Tác giả, giới tính tác giả	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Doanh thu các dịch vụ thiết kế sáng tạo	Loại thiết kế sáng tạo	Năm		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì; Tổng cục Thống kê phối hợp

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

Kết luận và kiến nghị

Qua những phân tích, nghiên cứu trên, ta có thể thấy Hệ thống chỉ tiêu thống kê văn hóa Việt Nam đã bao trùm được các lĩnh vực trong Khung thống kê văn hóa. Một số lĩnh vực văn hóa trong Khung thống kê FCS 2009 nằm rải rác ở hệ thống chỉ tiêu thống kê của ngành thông tin truyền thông và ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Hiện nay, hệ thống chỉ tiêu văn hóa tại Việt Nam đã có bổ sung phát triển thêm từ Khung thống kê FCS 2009, cụ thể là bao gồm các chỉ tiêu phản ánh nét đặc trưng của văn hóa Việt Nam, như văn hóa dân tộc thiểu số, các hoạt động văn hóa cơ sở. Các khái niệm và định nghĩa ở từng lĩnh vực cũng tương đối đồng nhất.

Tuy nhiên, hệ thống chỉ tiêu thống kê văn hóa chưa phản ánh được mảng dịch vụ thiết kế và sáng tạo - vốn là một lĩnh vực mới trong Khung thống kê văn hóa 2009. Đồng thời, các lĩnh vực chuyển tiếp gồm Giáo dục và Đào tạo, Bảo tồn và Lưu trữ, Thiết bị và Vật liệu hỗ trợ trong mỗi lĩnh vực ít được đề cập đến trong các chỉ tiêu thống kê.

Về chu kỳ văn hóa, các chỉ tiêu thống kê văn hóa phản ánh khá tốt khâu Sản xuất (Production), khâu Truyền bá (Dissemination). Tuy nhiên, ở một số lĩnh vực, các khâu như Sáng tạo (Creation), khâu Trưng bày/Tiếp nhận và Truyền tải (Exhibition/Transmission) và khâu Tiêu thụ/ Tham gia (Consumption) vẫn chưa được thể hiện một cách đầy đủ.

Bên cạnh đó, các chỉ tiêu văn hóa phản ánh sự chuyển biến của các hoạt động văn hóa cũng chưa được cập nhật.

Do vậy, để hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê văn hóa có ứng dụng Khung thống kê văn hóa UNESCO 2009 nhằm khắc phục hạn chế đã được chỉ ra, phản ánh được cả chiều rộng và chiều sâu của lĩnh vực văn hóa, đồng thời đảm bảo tính thống nhất và so sánh quốc tế, cần lưu ý những vấn đề chính sau đây:

Nghiên cứu các chỉ tiêu phản ánh các lĩnh vực chưa được đề cập trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa: Bảo tàng ảo, nhạc thu, nhạc số, sáng tác âm nhạc. Ở mỗi lĩnh vực, cần rà soát để các chỉ tiêu phản ánh được một tương đối chu kỳ văn hóa của lĩnh vực đó. Đối với các lĩnh vực nhỏ và khó thu thập số liệu ở mỗi giai đoạn, có thể dùng các chỉ tiêu có khả năng phản ánh sức mạnh, hiệu quả chung của lĩnh vực đó. Ngoài ra, cần lưu ý tới các lĩnh vực chuyển tiếp, gồm giáo dục và đào tạo, lưu trữ và bảo tồn, thiết bị và vật liệu hỗ trợ trong mỗi lĩnh vực văn hóa.

Bổ sung các chỉ tiêu phản ánh góc độ kinh tế của các ngành công nghiệp văn hóa đối với nền kinh tế. Có thể nói, đây là một góc nhìn mới về văn hóa tại Việt Nam. Do đó, các chỉ tiêu phản ánh còn rất thiếu. Góc độ kinh tế của văn hóa cần nhìn nhận ở nhiều góc độ, như phần trăm đóng góp vào GDP, tạo việc làm, xu hướng tiêu dùng...

Các chỉ tiêu về đóng góp của văn hóa về mặt xã hội và kinh tế nằm rải rác ở các cuộc điều tra khác nhau. Do vậy, cần có rà soát tổng thể, để lên kế hoạch lồng ghép, bổ sung câu hỏi và thiết kế các cuộc điều tra mới để được số liệu văn hóa một cách đầy đủ, đáng tin cậy với kinh phí tối ưu.

Công tác phổ biến dữ liệu văn hoá cũng là một hạn chế cần được giải quyết, dữ liệu thống kê đầu vào và đầu ra, đặc biệt là hệ thống chỉ tiêu văn hoá cần được cải thiện, dữ liệu văn hoá trực tuyến cần được tiếp tục rà soát, xây dựng hoặc nâng cấp, phù hợp với hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và Khung thống kê văn hoá, mang tính so sánh trong khu vực và quốc tế.

Tăng cường phối hợp giữa các Bộ, ngành: Các lĩnh vực văn hóa tại Việt Nam được quản lý bởi nhiều Bộ, ngành khác nhau. Ngoài vai trò quản lý chủ yếu là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, còn có Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý mảng sách và ấn phẩm, phương tiện nghe nhìn và phương tiện truyền thông tương tác, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý mảng Nghề thủ công... Do vậy, để phản ánh đầy đủ, toàn diện nền văn hóa Việt Nam, cần thiết phải có sự phối hợp giữa các Bộ, ngành từ việc định hướng, lập kế hoạch, xây dựng hệ thống chỉ tiêu đến tất cả các công đoạn thu thập, phân tích, xử lý và công bố số liệu sau này. Tổng cục Thống kê có vai trò hỗ trợ mặt kỹ thuật với tổ chức thống kê Bộ, ngành trong toàn bộ suốt quá trình xây dựng, hoàn thiện bộ chỉ tiêu.

Đề xuất lập nhóm nghiên cứu, cố vấn về xây dựng, hoàn thiện Bộ chỉ tiêu thống kê văn hóa Việt nam, có ứng dụng Khung thống kê văn hoá UNESCO 2009. Thành phần nhóm chuyên gia được đề xuất gồm: Đại diện Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và Tổng cục Thống kê; Đại diện từ các Bộ, ngành có liên quan.

Cần huy động sự hỗ trợ của Chính phủ, của các tổ chức quốc tế về công tác thống kê văn hoá để tổ chức các đợt học tập, khảo sát tại một số quốc gia có sự phát triển mạnh về công tác thống kê văn hoá, nhằm cập nhật kiến thức mới và phù hợp cho thống kê văn hoá tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội (2021), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và phụ lục danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê (Luật số 01/2021/QH15);
2. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019), Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 ban hành Bộ chỉ tiêu phát triển bền vững của Việt Nam (VSDG);
3. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (2022), Thông tư số 03/2022/TT-BTTTT ngày 22/6/2022 Quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông;
4. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2021), Thông tư số 11/2021/TT-BVHTTDL ngày 06/10/2021 Quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa, thể thao và du lịch;
5. ESSnet-CULTURE (2012). Báo cáo "European Statistical System Network on Culture 2012";
6. Conceptual Framework for Culture Statistics 2011;
7. UNESCO (2009), Khung thống kê văn hóa UNESCO 2009.